PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1064/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. VỊ TRÍ, VAI TRÒ

Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước, có vai trò quan trọng đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ; có tiềm năng và lợi thế phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu; là địa bàn có nhiều đồng bào các dân tộc cùng sinh sống gắn bó lâu đời với bản sắc văn hóa riêng, có truyền thống yêu nước, đoàn kết, kiên cường chống giặc ngoại xâm, có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, căn cứ cách mạng.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước;

bảo đảm thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực; khai thác và phát huy cao độ mọi nguồn lực nhằm thu hút đầu tư phát triển; mở rộng thị trường, tăng khả năng xuất khẩu; đưa nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững;

- Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Vùng, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế thông qua phát triển các hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội và Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong vùng nhằm huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển của Vùng so với cả nước;

- Tập trung đầu tư có trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực có lợi thế của các địa phương trong Vùng; phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu nhằm nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, tạo bước đột phá làm thay đổi căn bản cơ cấu kinh tế. Phát triển nông, lâm nghiệp với quy mô tập trung, gắn với phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm sau thu hoạch phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo và nâng cao mức sống nhân dân trong Vùng, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở địa bàn kháng chiến cũ, vùng khó khăn.

- Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Gắn phát triển kinh tế với phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử, văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc.

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao hơn nhịp độ phát triển chung của cả nước; cải thiện rõ rệt và đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế, dân sinh và bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy điện, khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu để phát triển kinh tế, từng bước thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống của người dân trong vùng so với mức bình quân chung của cả nước; cơ bản hoàn thành sắp xếp ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện, đưa dân ra biên giới, khắc phục cơ bản tình trạng di dân tự do; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2015 là 7,5% và thời kỳ 2016 - 2020 trên 8%. GDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt khoảng 2.000 USD;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến năm 2015 tỷ trọng nông lâm thủy sản trong GDP của Vùng là 27%, công nghiệp - xây dựng 34,1% và dịch vụ 38,9%; đến năm 2020, tỷ trọng tương ứng của các ngành là 21,9% - 38,7% - 39,4%;

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 16 - 17%/năm. Tỷ lệ đổi mới công nghệ đạt 20%/năm. Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ thu ngân sách trên GDP chiếm trên 12% và đạt khoảng 13% vào năm 2020.

b) Về phát triển xã hội:

- Phấn đấu các mục tiêu về xã hội của vùng đạt mức trung bình của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 3 - 4%; trong mỗi kế hoạch 5 năm giải quyết việc làm cho khoảng 250 - 300 nghìn lao động; tỷ lệ lao động chưa có việc làm ở khu vực thành thị khoảng 4,5 - 5%, tăng tỷ lệ sử dụng lao động ở khu vực nông thôn lên trên 85%; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65% vào năm 2020;

- Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở. Đến năm 2020, nâng tỷ lệ trẻ mẫu giáo đến trường lên trên 92% và huy động trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 99%;

- Phấn đấu nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020; tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ đạt 60 - 70% vào năm 2015 và trên 80% vào năm 2020; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20% vào năm 2015 và dưới 15% vào năm 2020; số giường bệnh/vạn dân đạt 20,5 giường vào năm 2015 và 25 giường vào năm 2020;

- Củng cố và xây dựng các thiết chế văn hóa thông tin cấp xã, phường, phấn đấu đến năm 2020 có 90% số làng, thôn, bản có nhà văn hóa, tụ điểm sinh hoạt cộng đồng;

- Nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ truyền dẫn phát sóng phát thanh và truyền hình, phấn đấu phủ sóng truyền hình mặt đất cho 100% dân cư vào năm 2015; đa dạng hóa các chương trình phát sóng, đảm bảo số giờ phát sóng do các đài địa phương sản xuất.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên; hạn chế gia tăng ô nhiễm và sự cố môi trường; nâng độ che phủ rừng lên 50% vào năm 2020;

- Đến năm 2020, hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

d) Về quốc phòng, an ninh:

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh kể cả về cơ sở vật chất, vũ khí, khí tài và lực lượng nhằm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt việc xây dựng các tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới;

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước nhằm hạn chế, đẩy lùi tai nạn giao thông. Đẩy mạnh công tác phòng, chống các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa mới tại các thôn bản.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và môi trường sinh thái. Phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản với tốc độ tăng trưởng bình quân 4 - 4,5%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 3,5 - 4%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

- Tập trung phát triển các vùng chuyên canh tập trung với quy mô thích hợp như cây chè, cao su, cà phê, cây ăn quả, dược liệu, hoa, rau màu .v.v. trên cơ sở xác định lợi thế so sánh của từng địa phương và nhu cầu thị trường. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; hình thành các khu chăn nuôi gia súc ăn cỏ như trâu, bò thịt, bò sữa, dê, chăn nuôi lợn với quy mô trang trại gắn với công nghiệp chế biến thực phẩm nhằm tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp.

- Chăm sóc, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng đầu nguồn, trồng rừng phòng hộ bảo vệ cho các hồ, đập thủy điện, vùng có nguy cơ sạt lở; thực hiện tốt việc khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, trồng cây đặc sản, cây dược liệu dưới tán rừng, trồng cây phân tán, trồng rừng cảnh quan nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng gắn với định canh định cư, chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy;

bảo vệ nghiêm ngặt hệ thống vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên và nguồn gen động, thực vật quý hiếm.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại các hồ lớn theo phương pháp tiên tiến, hiệu quả và bền vững, đảm bảo môi trường sinh thái. Phát triển nuôi trồng một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá hồi, cá tầm, cá tiểu bạc và các loài cá nước lạnh khác trên một số địa bàn có lợi thế về điều kiện địa hình, khí hậu thuộc các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Sơn La.

2. Công nghiệp

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp như chế biến thực phẩm, công nghiệp khai thác và chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có sức cạnh tranh thu hút nhiều lao động. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu. Phấn đấu đưa giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 11,5% thời kỳ 2011 - 2015 và 12,5% thời kỳ 2016 - 2020;

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn Vùng nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất. Khôi phục và phát triển các làng nghề sản xuất các sản phẩm truyền thống phù hợp với bản sắc văn hóa của từng địa phương nhằm tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân;

- Đầu tư công nghệ và thiết bị hiện đại để khai thác đi đôi với chế biến sâu khoáng sản apatit (Lào Cai); đồng Sin Quyền (Lào Cai); Niken - đồng Bản Phúc (Sơn La); vonfram Núi Pháo (Thái Nguyên); sắt Quý Sa và làng Lếch (Lào Cai), Trại Cau (Thái Nguyên); thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), chì, kẽm, cao lanh, vật liệu xây dựng; đổi mới công nghệ khu gang thép Thái Nguyên. Phát triển vùng nguyên liệu cho các nhà máy giấy Bãi Bằng, nhà máy giấy Tuyên Quang và các nhà máy ván ép xuất khẩu trên địa bàn; duy trì và phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm chè tại các tỉnh trọng điểm như Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Sơn La; chế biến sữa tại Mộc châu (Sơn La) và các loại nông sản, thực phẩm tại các địa phương có lợi thế đã hình thành vùng chuyên canh.

3. Phát triển dịch vụ và du lịch

Phấn đấu tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng bình quân 18%/năm, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 16 - 17%/năm;

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu sản phẩm, trước hết là các sản phẩm nông sản. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ thương mại, tăng cường trao đổi thương mại giữa các tỉnh trong Vùng với Trung Quốc và Lào;

- Nâng cấp và hình thành mới các trung tâm thương mại ở các địa phương trong Vùng; hoàn chỉnh mạng lưới thương mại nội địa từ thành thị đến nông thôn và khu vực miền núi, biên giới. Tổ chức khai thác có hiệu quả hoạt động dịch vụ thương mại tại các cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu. Phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao như dịch vụ tài chính ngân hàng, thương mại, công nghệ, viễn thông, vận tải. Tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá các sản phẩm đã có thương hiệu, xây dựng và củng cố vị trí thương hiệu cho các sản phẩm mới;

- Chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch với những sản phẩm đặc sắc gắn với kỳ quan thiên nhiên, những di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng và tham quan các công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn Vùng.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng

Đảm bảo phát triển đồng bộ, cân đối hệ thống kết cấu hạ tầng làm động lực phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, đặc biệt hệ thống giao thông gắn kết các tỉnh trong Vùng và kết nối với các vùng khác.

a) Về phát triển giao thông

- Đường bộ:

Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ và đường huyện theo quy hoạch; hình thành mạng lưới giao thông gồm 5 trục hướng tâm: Hà Nội - Lào Cai (Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C), Hà Nội - Điện Biên (Quốc lộ 6, Quốc lộ 32, Quốc lộ 32B), Hà Nội - Cao Bằng (Quốc lộ 3), Hà Nội - Lạng Sơn (Quốc lộ 1), Phú Thọ - Hà Giang (Quốc lộ 2) và 3 tuyến vành đai: Vành đai 1 (Quốc lộ 4, Quốc lộ 4A, Quốc lộ 4B, Quốc lộ 4C, Quốc lộ 4D, Quốc lộ 4H), Vành đai 2 (Quốc lộ 279), Vành đai 3 (Quốc lộ 37) làm động lực thúc đẩy phát triển của Vùng.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc: Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn; Hà Nội - Lào Cai; Hòa Lạc - Hòa Bình và triển khai xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn. Xây dựng đường kết nối các tỉnh với các tuyến đường cao tốc, đường tuần tra biên giới. Đầu tư hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, bảo đảm giao thông thông suốt.

- Đường sắt: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn; Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Thái Nguyên; Kép - Lưu Xá đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường sắt quốc gia.

- Hàng không: Xây dựng mới các cảng hàng không Lào Cai, Lai Châu. Củng cố các sân bay nhỏ, sân bay chuyên dụng và bãi đáp trực thăng phục vụ hoạt động bay đến vùng sâu, vùng xa, nơi chưa có cảng hàng không.

- Đường thủy nội địa: Nâng cấp và tổ chức quản lý, khai thác tốt các tuyến đường thủy trên các sông, lòng hồ lớn trên địa bàn Vùng. Tiếp tục cải tạo, nâng

cấp và xây dựng mới các bến cảng đầu mối trên các tuyến sông, lòng hồ thủy điện phục vụ vận chuyển hàng hóa.

b) Về Thủy lợi, cấp nước:

- Đầu tư đồng bộ hệ thống thiết bị điều tiết và vận hành có hiệu quả các công trình thủy lợi, hồ chứa hiện có. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, hệ thống kênh tưới đảm bảo cung cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ tại các tỉnh có nguy cơ xảy ra lũ quét cao như: Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lào Cai, Điện Biên;

- Xây dựng các tuyến đê sông, các công trình kè bờ sông biên giới nhằm tránh sạt lở đất, ổn định sản xuất và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng các công trình thủy lợi gắn với xây dựng thủy điện nhỏ nhằm cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt và cấp điện cho nhân dân vùng sâu, vùng xa nơi chưa có điện lưới quốc gia;

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước đảm bảo đáp ứng đủ nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân đô thị; áp dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng các mô hình cấp nước hợp vệ sinh cho nhân dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới trên địa bàn các địa phương trong Vùng.

c) Về cấp điện:

Tập trung triển khai xây dựng và hoàn thành các dự án thủy điện, nhiệt điện quy mô lớn trên địa bàn Vùng; xây dựng hệ thống truyền tải và phân phối điện đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu cấp điện theo Tổng sơ đồ phát triển Điện lực 7.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành các công trình thủy điện trọng điểm như thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng, Bản Chát (Lai Châu), thủy điện Nậm Chiến (Sơn La); đầu tư xây dựng thủy điện tích năng Đông Phù Yên (Sơn La) nhằm cung cấp điện cho toàn Vùng và bổ sung nguồn điện cho cả nước. Đầu tư đồng bộ hạ tầng hệ thống truyền tải và phân phối điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của các khu công nghiệp và nhu cầu sử dụng của nhân dân;

d) Thông tin và truyền thông:

Xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống viễn thông hiện đại với dung lượng và tốc độ lớn phục vụ kịp thời việc chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và nhu cầu của nhân dân.

5. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo:

- Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông gắn với giáo dục đạo đức, truyền thống văn hóa, nhân cách trong các cấp học, bậc học;

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho các trường đại học như Đại học Tây Bắc, Đại học Thái Nguyên, Đại học Hùng Vương (Phú Thọ) và các trường cao đẳng, cơ sở dạy nghề trong Vùng; hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên;

- Đổi mới cơ cấu đào tạo theo nhu cầu thị trường; ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là người dân tộc thiểu số của các địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở cho các địa phương trong Vùng.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, trọng tâm là phòng chống sốt rét, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng chống dịch bệnh. Chủ động phòng chống, đẩy lùi và thanh toán các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; đẩy mạnh công tác khám chữa bệnh kết hợp quân - dân y nhằm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, phòng khám đa khoa và các trung tâm y tế, trạm y tế xã trên địa bàn Vùng. Xây dựng các trung tâm y tế khu vực chất lượng cao tại Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân; xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện quy mô vùng tại Sơn La, các bệnh viện điều dưỡng - phục hồi chức năng ở các tỉnh trên địa bàn Vùng.

c) Văn hóa và thể dục thể thao:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ bản các thiết chế văn hóa cơ sở, hạ tầng phục vụ luyện tập thể dục thể thao; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, làm nền tảng cho sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc trong Vùng; duy trì và xây dựng những giá trị mới về văn hóa, phát huy nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới trong cộng đồng dân cư;

d) Giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội:

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm và tiêu thụ

sản phẩm; xây dựng các mô hình giảm nghèo và tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho hộ nghèo phát triển sản xuất bền vững, từng bước nâng cao thu nhập;

- Phát triển an sinh xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; vận động toàn dân tham gia hoạt động chăm sóc người có công với nước và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa"; chăm lo đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo hỗ trợ những người nghèo vươn lên hòa nhập cộng đồng. Ngăn chặn và đẩy lùi, không để xảy ra nguy cơ xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em.

6. Phát triển khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, đầu tư đổi mới thiết bị máy móc, công nghệ đi đôi với bảo vệ môi trường. Khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ những ngành có lợi thế của vùng như chế biến nông lâm thủy sản, chế biến thực phẩm v.v...

- Tập trung nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới về giống cây trồng và vật nuôi, kỹ thuật bảo quản và chế biến sản phẩm phù hợp với tiềm năng, lợi thế phát triển và điều kiện sinh thái của vùng;

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa đơn vị nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và nhân dân trong việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

7. Sử dụng hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường

- Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển "năng lượng sạch", "sản xuất sạch", "tiêu dùng sạch";

- Thực hiện khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản. Sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả quỹ đất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích đất hiện có, duy trì diện tích lúa nước khoảng 250 nghìn ha nhằm đảm bảo an ninh lương thực; khai thác tối đa quỹ đất chưa sử dụng để đưa vào trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả theo hướng bền vững;

- Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ diện tích đất rừng hiện có, tăng cường trồng mới rừng kinh tế, rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi trọc, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; duy trì và từng bước nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia;

- Thu gom, xử lý và tái chế rác thải tập trung bằng các công nghệ tiên tiến, đảm bảo vệ sinh môi trường. Xây dựng ở mỗi tỉnh có ít nhất một khu xử lý chất thải rắn, nhà máy xử lý nước thải để xử lý rác thải nước thải đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường. Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trong thiết kế, quy hoạch đô thị, khu cụm công nghiệp, du lịch và nhà ở; xử lý nghiêm ngặt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường;

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Quy hoạch và xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, các khu kinh tế quốc phòng cần kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch;

- Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp hoàn thiện các tuyến đường ra biên giới, đường vành đai biên giới; đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới để kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh. Từng bước xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các xã vùng biên giới gắn với bảo đảm điều kiện sản xuất và sinh hoạt an toàn để hoàn thành việc đưa dân đến sinh sống tại vùng biên giới;

- Chủ động nắm chắc tình hình và ứng phó kịp thời trong mọi tình huống; chống lợi dụng tôn giáo, tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm; tích cực phòng chống tệ nạn xã hội và các loại tội phạm ma túy, buôn lậu và gian lận thương mại, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, ổn định với các nước láng giềng.

V. PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phát triển các tiểu vùng

a) Tiểu vùng Tây Bắc (gồm các tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu): Địa bàn trọng điểm thủy điện quốc gia; phát triển công nghiệp khai thác và chế biến quặng đồng, sắt, Niken và đất hiếm; trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp đặc biệt cao su, cây dược liệu, cây ăn quả; chăn nuôi đại gia súc, đặc biệt là bò sữa, bò thịt chất lượng cao; trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ cho các dự án thủy điện;

b) Tiểu vùng Đông Bắc (gồm các tỉnh còn lại trong Vùng) Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến quặng apatit, sắt, đồng, vàng, thiếc, bô xít, kẽm, chì, luyện gang thép; trồng và chế biến lương thực - thực phẩm, nông lâm sản, dược liệu, cây ăn quả, chăn nuôi lợn và đại gia súc; sản xuất đồ gia dụng, hóa chất, bột giấy và giấy, phân bón, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, dệt may; sản xuất và lắp ráp sản phẩm điện tử v.v...

2. Phát triển các trung tâm kinh tế trên các tuyến hành lang

- Tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, có thành phố Lạng Sơn (cửa khẩu quốc tế) kết nối với thành phố Bắc Giang và các đô thị khác trên tuyến hành lang;

- Tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, có thành phố Việt Trì là thành phố công nghiệp kết nối với thành phố Lào Cai (cửa khẩu quốc tế) và thành phố Yên Bái và các đô thị khác trên tuyến;

- Tuyến hành lang kinh tế Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu, có các thành phố Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên Phủ và thị xã Lai Châu là hạt nhân phát triển, kết nối với các đô thị khác trên tuyến hành lang;

- Tuyến hành lang kinh tế Hà Nội - Cao Bằng, có các thành phố Thái Nguyên, Cao Bằng và thị xã Bắc Kạn. Tuyến hành lang kinh tế Phú Thọ - Hà Giang, có các thành phố Tuyên Quang, Hà Giang và thị xã Phú Thọ, là hạt nhân phát triển kết nối với các đô thị khác;

- Tuyến hành lang kinh tế các tỉnh biên giới phía Bắc (gồm 7 tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên và Sơn La): Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, mở rộng các hoạt động kinh tế, thương mại với các nước láng giềng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thương mại cửa khẩu với bảo đảm an ninh khu vực biên giới và chủ quyền quốc gia.

3. Phát triển không gian đô thị

Phát triển đồng bộ hệ thống đô thị đi đôi với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng theo nội dung Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01/7/2004 và Kết luận số 26/KL-TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị và Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ và du lịch, tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong Vùng và liên kết với vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;

- Xây dựng thành phố Thái Nguyên là trung tâm của tuyến hành lang kinh tế Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Cạn - Cao Bằng. Xây dựng thành phố Việt Trì là trung tâm trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

- Xây dựng thành phố Hòa Bình là một trong những hạt nhân phát triển của tiểu vùng Tây Bắc, nằm ở cửa ngõ giao lưu giữa tiểu vùng Tây Bắc với thủ đô Hà Nội và đồng bằng sông Hồng. Xây dựng thành phố Sơn La trở thành đô thị hiện đại mang bản sắc văn hóa các dân tộc đặc thù của tiểu vùng Tây Bắc; là một trong những trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực đa ngành của tiểu vùng Tây Bắc;

- Xây dựng thành phố Lạng Sơn, thành phố Lào Cai thành hai trung tâm kinh tế lớn ở vị trí cửa khẩu quốc tế của hai hành lang kinh tế Việt Nam - Trung Quốc gắn với phát triển kinh tế cửa khẩu và hình thành các khu hợp tác kinh tế xuyên biên giới.

4. Phát triển nông thôn và khu vực miền núi khó khăn của Vùng

Tập trung triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới gắn kết chặt chẽ với các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn như: chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, giảm nghèo và giải quyết việc làm .v.v. Bố trí, sắp xếp dân cư ở các xã dọc tuyến biên giới bảo đảm để nhân dân ổn định đời sống, yên tâm sản xuất và không di cư tự do đến nơi khác.

Các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu tập trung vào sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống; tăng cường công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước, môi trường sinh thái và độ an toàn của các công trình trọng điểm Quốc gia trên địa bàn Vùng và vùng Đồng bằng sông Hồng.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ (Có phụ lục kèm theo)

VII. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các lĩnh vực ưu tiên phát triển

- Tập trung đầu tư xây dựng và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu công nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển, đặc biệt là mạng lưới đường giao thông gắn kết các tỉnh trong Vùng và với các vùng lân cận. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án nêu trong Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị, Kết luận số 26/KL-TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị và chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị; xây dựng mới và nâng cấp hoàn thiện các trung tâm y tế chất lượng cao và các bệnh viện khu vực tại Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai; đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho các trường Đại học Tây Bắc, Đại học Thái Nguyên, Đại học Hùng Vương (Phú Thọ); hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở giáo viên tại các địa phương trong Vùng;

- Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Vùng. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất;

- Tập trung phát triển các khu kinh tế cửa khẩu trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác phát triển "hai hành lang" kinh tế giữa Việt Nam với Trung Quốc. Ưu tiên phát triển công nghiệp điện, chế biến sâu khoáng sản, chế biến nông lâm sản, chế tạo và lắp ráp điện tử, vật liệu xây dựng. Đầu tư hạ tầng du lịch tại các khu căn cứ cách mạng; gắn phát triển du lịch của Vùng với các tour du lịch của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

2. Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư

- Phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng cường công tác chống thất thu, xử lý nghiêm các trường hợp trốn lậu thuế, gian lận thương mại; đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời ngân sách nhà nước;

- Ưu tiên vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình, dự án không có khả năng thu hồi vốn như: Kết cấu hạ tầng giao thông, các trung tâm y tế cấp vùng, khắc phục xử lý ô nhiễm môi trường, các cơ sở hạ tầng xã hội thiết yếu; đồng thời cân đối ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là đối với người nghèo, hộ gia đình chính sách; tăng cường công tác kiểm soát chi, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội trong Vùng;

- Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư đến năm 2020; trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế; tranh thủ tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển các công trình trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn;

- Phát triển thị trường tài chính minh bạch; đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao nhằn huy động tối đa nguồn lực để phát triển.

3. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tạo điều kiện thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển. Đa dạng hóa các loại hình đầu tư BOT, BTO, BT, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để tập trung phát triển hệ thống kế cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ để phát triển có trọng điểm các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; xây dựng chính sách phát triển các loại thị trường, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh. Từng bước mở rộng thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dịch vụ tư vấn pháp luật, khoa học - công nghệ, tư vấn quản lý và thị trường sản phẩm trí tuệ nhằm thu hút nhân tài.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng và ban hành các chính sách nhằm phát huy và thu hút nhân tài, lao động kỹ thuật trình độ cao đến làm việc lâu dài ở các địa phương trong Vùng, đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của Vùng.

- Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao trình độ nhận thức và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tăng cường công tác đào tạo nghề, hỗ trợ và giới thiệu việc làm bằng nhiều hình thức thích hợp; có chính sách đào tạo nghề cho lao động chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp; xây dựng kế hoạch và triển khai công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động làm việc tại các khu công nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao có đủ năng lực tham gia vào các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ tiên tiến về lĩnh vực công nghệ sinh học, điện tử, công nghệ thông tin .v.v., từng bước nâng dần tính cạnh tranh của nền kinh tế phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực;

- Mở rộng hợp tác giữa các địa phương với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; khuyến khích các doanh nghiệp liên kết với các trường đại học, các cơ sở đào tạo để đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho công nhân tại doanh nghiệp.

5. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Ưu tiên nghiên cứu ứng dụng các dự án khoa học - công nghệ phục vụ trực tiếp cho các sản phẩm mũi nhọn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Vùng, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến về giống cây trồng và vật nuôi, kỹ thuật bảo quản và chế biến sản phẩm;

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới thân thiện môi trường trong những ngành có lợi thế như khai thác và chế biến sâu khoáng sản, chế biến sản phẩm nông sản, thực phẩm. Mở rộng hình thức liên kết, hợp tác giữa các cơ sở sản xuất với cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học và các trường đại học nhằm đưa khoa học vào thực tế cuộc sống.

6. Giải pháp về cải cách hành chính

- Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và giải quyết tốt các thủ tục hành chính;

- Xây dựng và ban hành đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách đảm bảo phát huy dân chủ, sáng kiến, sáng tạo và làm cho toàn bộ hệ thống chính quyền các cấp hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu phát triển;

- Nâng cao hiệu quả trong quản lý điều hành của chính quyền các cấp; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan nhằm khắc phục sự chồng chéo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, đồng thời tăng cường công tác phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong thực thi nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước.

7. Giải pháp về tăng cường hợp tác và phát triển thị trường

- Mở rộng hợp tác về công tác dự báo thị trường, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp nguồn nhân lực giữa các địa phương trong Vùng với vùng Đồng bằng sông Hồng nhằm phát huy hiệu quả các tiềm năng của Vùng;

- Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong Vùng về lĩnh vực xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch, hình thành các tour du lịch; khai thác, sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước, bảo vệ môi trường;

- Tăng cường hợp tác phát triển thương mại, du lịch qua biên giới với Trung Quốc, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, xây dựng biên giới hòa bình, ổn định.

Điều 2. Tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc sau khi được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Quy hoạch;

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch Vùng, Quy hoạch của các Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất Vùng;

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong Vùng và với các vùng khác. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng.

3. Các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm lập, trình phê duyệt các Quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn Vùng phù hợp với những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Nghiên cứu, xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù tại Khoản VII, Điều 1, Quyết định này nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong Quy hoạch;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất Vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Vùng.

Nhiệm vụ cụ thể đối với các Bộ, ngành như sau:

a) Bộ Giao thông vận tải:

Chỉ đạo xây dựng, hoàn thành đúng tiến độ các công trình giao thông quan trọng trên địa bàn Vùng. Đề xuất cơ chế huy động vốn cho các dự án phát triển giao thông vận tải quy mô lớn trên địa bàn Vùng;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Hoàn thành xây dựng và tổ chức triển khai quy hoạch thủy lợi, các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ yếu trên địa bàn Vùng. Đề xuất cơ chế, chính sách và hỗ trợ các địa phương trong Vùng xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp sử dụng nhân lực; triển khai các giải pháp nhằm nâng cao năng lực đào tạo cho các trường đại học trong Vùng như: Đại học Tây Bắc, Đại học Thái Nguyên, Đại học Hùng Vương (Phú Thọ);

d) Bộ Công Thương:

Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ xây dựng các nhà máy điện và mạng lưới cấp điện trên địa bàn Vùng. Phối hợp với các địa phương liên quan trong việc xây dựng các trung tâm thương mại trên địa bàn Vùng theo quy hoạch;

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Triển khai các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, nhất là môi trường đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn Vùng. Hỗ trợ nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương. Chỉ đạo các địa phương sử dụng hợp lý, tiết kiệm các loại tài nguyên và thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các dự án khai thác, chế biến khoáng sản;

e) Bộ Xây dựng:

Kiểm tra, giám sát xây dựng các khu xử lý chất thải nguy hại, hệ thống cấp nước quy mô vùng; phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh trong Vùng

- Chủ động rà soát điều chỉnh, bổ sung và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2020 phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phê duyệt tại Quyết định này;

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch;

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong Vùng; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án
I	**Hạ tầng giao thông**
1	Đường bộ: - Đầu tư các trục cao tốc: Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn; Hòa Lạc - Hòa Bình; Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Nâng cấp 05 trục hướng tâm: Hà Nội - Lào Cai (Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C), Hà Nội - Điện Biên (Quốc lộ 6, Quốc lộ 32, Quốc lộ 32B); Hà Nội - Cao Bằng (Quốc lộ 3); Hà Nội - Lạng Sơn (Quốc lộ 1); Phú Thọ - Hà Giang (Quốc lộ 2). - Nâng cấp 03 tuyến vành đai: Vành đai 1 (Quốc lộ 4, Quốc lộ 4A, Quốc lộ 4B, Quốc lộ 4C, Quốc lộ 4D, Quốc lộ 4H); Vành đai 2 (Quốc lộ 279), Vành đai 3 (Quốc lộ 37)
2	Hàng không: Xây dựng cảng hàng không Lào Cai, Lai Châu
3	Đường sắt: Nâng cấp đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên, Kép - Lưu Xá đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường sắt quốc gia
4	Đường thủy nội địa: - Các tuyến: Việt Trì - Lào Cai, Việt Trì - Tuyên Quang. - Cải tạo, nâng cấp các cảng: Hòa Bình, Việt Trì, Đa Phúc (Thái Nguyên). - Xây dựng các cảng: Bến Ngọc, Ba Cấp (Hòa Bình); Tạ Bú, Tạ Hộc, Vạn Yên (Sơn La); An Đạo, Ngọc Pháp (Phú Thọ); Tuyên Quang; A Lữ (Bắc Giang); Văn Phú (Yên Bái); Lục Cẩu (Lào Cai)
II	**Hạ tầng cung cấp điện**
	- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình thủy điện: Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát, Nậm Chiến, Nho Quế. - Xây dựng thủy điện tích năng Đông Phù Yên (Sơn La); - Xây dựng hoàn thiện hệ thống truyền tải và phân phối điện 500kV: Sơn La - Hòa Bình, Sơn La - Nho Quan; - Xây dựng hệ thống truyền tải và phân phối điện 500kV mạch kép Sơn La - Sóc Sơn, Lai Châu - Sơn La;

STT	Tên chương trình, dự án
	- Xây dựng hệ thống truyền tải và phân phối điện 220kV mạch kép Lào Cai - Yên Bái, Bắc Mê (Hà Giang) - Na Hang (Tuyên Quang)
III	**Hạ tầng thủy lợi**
	- Nâng cấp, tu bổ và xây dựng các công trình thủy lợi lớn lợi dụng tổng hợp nguồn nước trên các tuyến sông: sông Đà, sông Lô, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Kỳ Cùng. - Xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ kết hợp thủy lợi với phát triển thủy điện và cấp nước sinh hoạt
IV	**Giáo dục và Đào tạo**
	- Xây dựng Đại học Thái Nguyên thành trung tâm đào tạo đa ngành, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Vùng. - Đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực đào tạo theo hướng đa ngành cho Đại học Tây Bắc (Sơn La), Đại học Hùng Vương (Phú Thọ)
V	**Y tế**
	- Xây dựng các trung tâm y tế chất lượng cao, bệnh viện đa khoa vùng tại Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai. - Nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị cho các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng